

Bản án số: 61/2018/DS-ST

Ngày: 29/8/2018

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Yên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Lợi.

2. Bà Võ Thị Gái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Thịnh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2018/QĐXX-ST ngày 27/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2018/QĐST-DS ngày 13/8/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A

Địa chỉ: Lầu 8, Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Trường Th, (xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Bùi Văn N, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 67/6B, Đường 6, Tổ 37, phường Bình Trưng Tây, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 12/3/2018; bản tự khai; nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có ông Phạm Trường Th là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 25/4/2011, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A ký hợp đồng với Bùi Văn N về việc sử dụng thẻ tín dụng và cấp thẻ tín dụng số 464932-4529, loại thẻ Visa Parkson cho ông Bùi Văn N, hạn mức thẻ 40.000.000đồng (bốn mươi triệu đồng), lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo bản điều khoản và điều kiện sử dụng

thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A Ông N đã N thẻ và Ngân hàng Thương mại Cổ phần A mở khóa thẻ để ông N sử dụng. Theo như quy định điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A thì ông N có trách nhiệm thanh toán số tiền dư nợ đúng hạn cho ngân hàng theo quy định trong bảng thông báo giao dịch hàng tháng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông N đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A theo thông báo giao dịch hàng tháng. Cụ thể, ngày 26/8/2014 ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn và thông báo chấm dứt sử dụng thẻ.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A yêu cầu Bùi Văn N thanh toán số tiền nợ thẻ tín dụng còn thiếu tạm tính đến ngày xét xử 29/8/2018, bao gồm toàn bộ nợ vay còn thiếu 9.666.412 đồng (chín triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm mười hai đồng) khi chuyển sang tính lãi quá hạn và lãi quá hạn là 30.949.543 đồng (Ba mươi triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm bốn mươi ba đồng). Tổng cộng là 40.615.955 đồng (Bốn mươi triệu sáu trăm mười lăm nghìn chín trăm năm mươi lăm đồng). Yêu cầu thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn – ông Bùi Văn N vắng mặt không lý do nên Tòa án nhân dân Quận 2 không thu thập được lời khai của ông N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 phát biểu: Các trình tự, thủ tục đều tuân thủ quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp N yêu cầu của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần A

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử N định:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần A khởi kiện ông Bùi Văn N "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", do bị đơn cư trú tại Quận 2 nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

Về thủ tục tố tụng: Ông Bùi Văn N có sở tạm trú tại số 67/6B, Đường 6, Tổ 37, Khu phố 4, phường Bình Trưng Tây, Quận 2. Theo kết quả Phiếu yêu cầu xác minh số 256/TAQ2 ngày 10/5/2018, Công an phường Bình Trưng Tây, Quận 2 xác N “Đương sự Bùi Văn N không có thực tế cư trú tại số 67/6B, Đường 6, Tổ 37, Khu phố 4, phường Bình Trưng Tây, Quận 2, hiện đi đâu không rõ”.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân Quận 2 đã thực hiện thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự đến Tòa để trình bày lời khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập đương sự đến Tòa để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đương sự đến Tòa để nghe xét xử lần 1; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập đương sự đến Tòa để nghe xét xử lần 2 cho ông Bùi Văn N. Tại thời điểm đến tổng đạt ở nhà số 67/6B, Đường 6, Tổ 37, phường Bình Trưng Tây, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh ông N không còn ở địa chỉ trên, đã chuyển đi nơi khác, không rõ nơi đến. Vì vậy, Tòa án nhân dân Quận 2 không tổng đạt trực tiếp được. Áp dụng Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Quận 2 đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại 03 nơi: Nơi cư trú cuối cùng của ông N số 67/6B, Đường 6, Tổ 37, phường Bình Trưng Tây, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh; trụ sở Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Tây, Quận 2 và tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, thời gian niêm yết văn bản tố tụng là 15 ngày kể từ ngày niêm yết. Tòa án có yêu cầu đăng tin nhưng đại diện Ngân hàng không đồng ý chi phí đăng tin.

Trong tất cả các lần Tòa triệu tập, ông Bùi Văn N đều vắng mặt không có lý do. Ông N thay đổi địa chỉ, không thông báo địa chỉ mới cho người khởi kiện, cho Tòa án, nhằm mục đích giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Về yêu cầu của đương sự:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A yêu cầu Bùi Văn N thanh toán số tiền nợ thẻ tín dụng còn thiếu cộng tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử 29/8/2018. Tổng cộng là 40.615.955 đồng (Bốn mươi triệu sáu trăm mười lăm nghìn chín trăm năm mươi lăm đồng). Yêu cầu thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có cơ sở xác định: Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 25/4/2011 của ông Bùi Văn N, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A cấp thẻ tín dụng số 464932-4529, loại thẻ Visa Parkson cho ông Bùi Văn N, hạn mức thẻ 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn theo bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A Ông N đã N thẻ và Ngân hàng Thương mại Cổ phần A mở khóa thẻ để ông N sử dụng. Theo như quy định điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A Các thỏa thuận này không trái quy định pháp luật nên là căn cứ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Theo Bảng tóm tắt sao kê ngày 29/8/2018 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông N đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A theo Thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 26/8/2014 Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đã chuyển toàn bộ nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn, thông báo chấm dứt sử dụng thẻ và tiến hành các thủ tục thu hồi nợ. Ông N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2, Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và sự thỏa thuận của hai bên trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 25/4/2011. Vậy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A yêu cầu ông Bùi Văn N trả số tiền còn nợ 9.666.412 đồng (chín triệu, sáu trăm sáu

mười sáu nghìn bốn trăm mười hai đồng) trước khi chuyển sang tính lãi quá hạn là có căn cứ.

Đối với tiền lãi: Từ ngày 26/8/2014 đến ngày xét xử 29/8/2018 là 30.949.543đồng (Ba mươi triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm bốn mươi ba đồng). Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì các tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng. Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 25/4/2011 được các bên tự nguyện ký kết, các thỏa thuận không trái quy định pháp luật nên là căn cứ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Như vậy, lãi suất được Ngân hàng Thương mại Cổ phần A sử dụng để tính lãi đối với khoản nợ của ông Bùi Văn N từ 26/8/2014 đến ngày xét xử 29/8/2018 là 30.949.543đồng (Ba mươi triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm bốn mươi ba đồng) là có căn cứ để chấp N.

Từ những N định trên, Hội đồng xét xử thấy có đầy đủ cơ sở để chấp N yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A buộc ông Bùi Văn N thanh toán số tiền nợ thẻ tín dụng còn thiếu tạm tính đến ngày xét xử 29/8/2018, bao gồm nợ còn thiếu 9.666.412đồng (chín triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm mười hai đồng) khi chuyển sang tính lãi quá hạn và lãi quá hạn là 30.949.543đồng (Ba mươi triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm bốn mươi ba đồng). Tổng cộng là 40.615.955 đồng (Bốn mươi triệu sáu trăm mười lăm nghìn chín trăm năm mươi lăm đồng). Yêu cầu thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần A được chấp N nên bị đơn - ông Bùi Văn N phải chịu tiền án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 969.418 đồng (Chín trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm mười tám đồng) theo Biên lai thu số AA/2017/0015032 do Chi cục thi hành án dân sự Quận 2 lập ngày 02/4/2018.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 phát biểu quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với N định của Hội đồng xét xử nên đề nghị được chấp N.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 147, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016.

Xử:

1. Chấp N toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần A: Buộc ông Bùi Văn N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền là 40.615.955 đồng (Bốn mươi triệu sáu trăm mười lăm nghìn chín trăm năm mươi lăm đồng). (Trong đó tiền nợ còn thiếu 9.666.412 đồng (chín triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm mười hai đồng) cộng tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử 29/8/2018 là 30.949.543 đồng (Ba mươi triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm bốn mươi ba đồng)).

Ông Bùi Văn N còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/8/2018 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Thanh toán ngay 01 lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 2.030.798 đồng (Hai triệu không trăm ba mươi nghìn bảy trăm chín mươi tám đồng), ông Bùi Văn N phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 969.418 đồng (Chín trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm mười tám đồng) theo Biên lai thu số AA/2017/0015032 do Chi cục thi hành án dân sự Quận 2 lập ngày 02/4/2018.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày N hoặc niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Minh Yến